TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/10/2018.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khanh.

2. Ông Trần Xươnne.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 336/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23/8/2018 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Lê Văn M; Địa chỉ: ấp A, xã Đ, thị xã N, tỉnh Hậu Giang.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều O; Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/2018 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

- Về Quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kiều O làm lễ cưới năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 11/11/2013. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến khoảng tháng 09/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khi vợ chồng cải vả qua lại thì bà O điện thoại về mét cha mẹ, bà O thường xuyên về nhà cha mẹ vợ ở và cho rằng ông xô đuổi vợ con, còn chị vợ cho rằng ông đi làm không đem tiền về cho vợ con và chửi ông, nên đến tháng 9/2016 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà có gặp nhau để bàn bạc nhưng không đạt kết quả. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà O.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 01 con chung là cháu Lê Thị Kiều T, sinh ngày 22/4/2014, hiện nay cháu sống bà O. Nay ông M đồng ý giao cháu T cho bà O nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T hàng tháng 800.000 đồng đến khi cháu T đến tuổi thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 19/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông M về thời gian kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn và thời gian ly thân; con chung và tài sản chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn do ông M có người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cải vả qua lại và kể từ tháng 9/2016 thì ông bà sống ly thân cho đến nay.

Nay bà O đồng ý ly hôn với ông M; yêu cầu được nuôi con chung là cháu T và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con một lần là 5.000.000 đồng; tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao con chung cho bà Nguyễn Thị Kiều O tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị Kiều O tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương năm 2013, không ai bị ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến khoảng tháng 9/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khi vợ chồng cải vả qua lại thì bà O điện thoại về mét cha mẹ vợ, vợ thường xuyên về nhà cha mẹ vợ ở và cho rằng ông xô đuổi vợ con, còn chị vợ cho rằng ông đi làm không đem tiền về cho vợ con và chửi ông và bà O có nghi vấn ông M có người phụ nữ khác, nên đến tháng 9/2016 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình và ông bà có gặp nhau để bàn bạc nhưng không đạt kết quả. Tại tòa hôm nay, ông M và bà O đều thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông Lê Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều O.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị Kiều O thừa nhận ông bà sống chung có 01 con chung là cháu Lê Thị Kiều T, sinh ngày 22/4/2014 và hiện nay cháu T sống với bà O; ông M đồng ý giao cháu T cho bà O nuôi dưỡng và phía bà O cũng đồng ý tiếp tục nuôi cháu T. **Xét thấy**: tại tòa các đương sự đều đồng ý giao cháu T cho bà O nuôi dưỡng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của ông M đồng ý giao cháu T cho bà O nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con: Ông M đồng ý cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Kiều T hàng tháng là 800.000 đồng. Phía bà O yêu cầu ông M cấp dưỡng cho cháu T một lần là 5.000.000 đồng. Xét thấy, theo quy định tại Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình thì phương thức cấp dưỡng có thể thực hiện định kỳ hằng tháng, hằng quý, nửa năm, hằng năm hoặc một lần nhưng phải do các bên thỏa thuận. Tuy nhiên, tại tòa bà O yêu cầu ông M cấp dưỡng một lần là 5.000.000 đồng. Phía ông M không đồng ý, vì không có khả năng cấp dưỡng một lần. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà O về việc yêu cầu ông M cấp dưỡng một lần là 5.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của ông M đồng ý cấp dưỡng cho cháu T hàng tháng là 800.000 đồng đến khi cháu T thành niên. Thời gian cấp dưỡng lần đầu kể từ ngày 08/10/2018.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông M không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông bà xác định không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, ông Lê Văn M chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung cho bà Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp nuôi là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 và khoản 3 Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều O.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn M đồng ý giao cháu Lê Thị Kiều T, sinh ngày 22/4/2014 cho bà Nguyễn Thị Kiều O tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên;

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn M đồng ý cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Kiều T hàng tháng là 800.000 đồng đến khi cháu T đến tuổi thành niên; Thời gian cấp dưỡng lần đầu kể từ ngày 08/10/2018.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông M, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn M chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng ông M phải chịu 600.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004202, ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng, ông M còn phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí. Bà Nguyễn Thị Kiều O không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng.
- VKSND huyện Kế Sách.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các bên đương sự.
- Ủy ban ND xã Đ, thị xã N, tỉnh Hậu Giang.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng